

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đinh Đức Thọ

- Ông Lương Mạnh Tường.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Ông Đào Sỹ Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị V, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Bùi Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Lê Văn T kết hôn với nhau và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 29/6/2016 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh chị sinh sống cùng gia đình anh T tại xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ hạnh phúc

được vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về mọi mặt, không có tiếng nói chung, vì vậy vợ chồng chị thường xảy ra cãi vã. Do không chịu được năm 2019 chị đã bế con về bên bố mẹ đẻ chị ở tại xã Q, huyện N. Hiện anh chị đã ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định giữa chị và anh T có 01 con chung là cháu: Lê Hồng Ng sinh ngày 16/12/2016, hiện cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Lê Văn T: Mặc dù Tòa án đã tiến hành thông báo và tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy báo của Tòa án nhưng anh Viên vẫn không gửi ý kiến và không đến Tòa án làm việc trực tiếp. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Q, hiện nay anh Viên có hộ khẩu cư trú và sinh sống tại Thôn Đ, xã Q, huyện N.

Ngày 26/01/2022, Tòa án nhân dân huyện N đã nhận được đơn xin xử vắng mặt của Anh Lê Văn T. Anh có ý kiến về quá trình kết hôn và chung sống như chị V trình bày. Nay chị V xin ly hôn với anh thì anh cũng hoàn toàn nhất trí. Về con chung, anh đồng ý cho chị V tiếp tục nuôi cháu Lê Hồng Ngọc, anh không có ý kiến khác. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, do tình hình dịch bệnh phức tạp anh không đến tham gia phiên tòa được.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo đơn khởi kiện của Chị Bùi Thị V. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định. Tuy nhiên đối với Anh Lê Văn T đã không đến để tham gia các phiên hòa giải tại Tòa án, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát*: Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ*: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Bùi Thị V. Xử lý hôn giữa Chị Bùi Thị V và Anh Lê Văn T.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Lê Hồng Ngsinh ngày 16/12/2016, cho chị V tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Viên.

3. *Về án phí ly hôn*: Chị Bùi Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Bùi Thị V và Anh Lê Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt. Cuộc sống vợ chồng của chị V và anh T thường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V và anh T là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: chị V và anh T có 01 con chung là cháu Lê Hồng Ngsinh ngày 16/12/2016. Nguyên vọng của chị V xin tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị V khỏe mạnh, có thu nhập, cháu Lê Hồng Nglà con gái lại còn nhỏ tuổi. Mặt khác quá trình giải quyết anh T cũng đồng ý cho chị V tiếp tục nuôi cháu. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của cháu, đảm bảo quy định của pháp luật nên giao cháu Ngọc cho chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị V không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị V phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Bùi Thị V. Xử lý hôn giữa Chị Bùi Thị V và Anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hồng Ng sinh ngày 16/12/2016, hiện cháu đang ở với chị V cho chị V tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Viên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị V phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Bùi Thị V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003394 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị V và Anh Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH